TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HS-ST
Ngày: 05/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Nguyễn Ngọc Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Đoàn;

2. Bà Phan Thị Hoài Thu.

- ***Thư ký phiên toà***: bà Nguyễn Thị Đào Lý - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà:*** ông Lương Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2024/HSST ngày 05 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Võ Văn T1, sinh ngày 01/01/1984; Giới tính: nam; Tên gọi khác: không; Nơi cư trú: thôn P, xã QC, huyện QS, tỉnh Quảng Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không nghề; Trình độ học vấn: 10/12; Cha: Võ Văn G (sinh năm 1944), mẹ: Cao Thị N (sinh năm 1946); Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ 02; Tiền sự: không; Tiền án: ngày 12/4/2023, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam xử phạt 12 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*; Nhân thân: Võ Văn T1 là đối tượng có nhân thân xấu, nhiều lần vi phạm pháp luật, cụ thể:

- Ngày 10/3/2007, bị Công an thị trấn K, huyện P, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính số tiền 200.000 đồng về hành vi *"Sử dụng trái phép chất ma túy*";

- Ngày 16/12/2009, bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam xử phạt 05 năm tù về tội *"Cướp giật tài sản"* và tội *"Trộm cắp tài sản"*;

- Ngày 22/12/2015, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xử phạt 42 tháng tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*;

- Ngày 26/5/2020, bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi *"Sử dụng trái phép chất ma túy"*;

- Ngày 20/7/2020, bị Công an xã QP, huyện QS, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính số tiền 500.000 đồng về hành vi *"Sử dụng trái phép chất ma túy"*;

- Ngày 30/6/2022, bị Công an xã QC, huyện QS, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi *"Sử dụng trái phép chất ma túy"*.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 29/8/2024 đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:* ông Nguyễn Tấn T2, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn C, xã QT, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Phạm Văn D, sinh năm 1957; địa chỉ: thôn P, xã QT, huyện QS, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 24/6/2024, Võ Văn T1 điều khiển xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 92F7 – 6655 đi từ huyện QS đến huyện H. Đến đoạn đường bê tông thuộc thôn C, xã QT, huyện H, tỉnh Quảng Nam, T1 phát hiện phía trước sân nhà ông Nguyễn Tấn T2 có dựng một chiếc xe đạp điện, xung quanh không có người trông giữ nên T1 đã nảy sinh ý định trộm cắp bình điện ắc quy của xe đạp điện để bán lấy tiền tiêu xài. T1 điều khiển xe mô tô dừng bên lề đường, cách lối vào nhà ông T2 khoảng 07m rồi đi bộ đến vị trí chiếc xe đạp điện, dùng tay gỡ nắp hộp chứa nguồn điện của xe đạp điện, tháo gỡ toàn bộ hộp chứa nguồn điện gồm 04 bình điện ắc quy cùng loại. T1 mang 04 bình điện ắc quy trộm được cho lên xe mô tô chở ra đường Quốc lộ 14E. Tại đây, T1 gặp một người phụ nữ đi xe đạp buôn phế liệu (không rõ họ tên, địa chỉ) nên đã bán 04 bình điện ắc quy cho người này với giá 320.000 đồng. T1 sử dụng số tiền này để tiêu xài cá nhân. Ngày 01/7/2024, ông Nguyễn Tấn T2 có đơn trình báo đến Công an xã QT.

Trước đó vào ngày 12/4/2023, Võ Văn T1 đã bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam xử phạt 12 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 24/6/2024.

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo Võ Văn T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

* Tại Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐGTS ngày 01/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện H kết luận: 04 bình điện ắc quy loại nhỏ mà Võ Văn T1 trộm cắp vào ngày 24/6/2024 có giá trị là 1.200.000 đồng.

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã tạm giữ: 01 *(Một)* xe mô tô hai bánh nhãn hiệu SHMOTO, biển kiểm soát 92F7-6655. Vật chứng này chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện H để xử lý theo quy định pháp luật.

* Về phần dân sự: ngày 06/8/2024, bị hại Nguyễn Tấn T2 có đơn đề nghị dân sự yêu cầu Võ Văn T1 bồi thường số tiền 1.700.000 đồng. Bị cáo Võ Văn T1 chưa bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 04/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Võ Văn T1 về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 *(gọi tắt là BLHS)*. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Võ Văn T1 từ 12 đến 15 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

- Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 *(gọi tắt là BLTTHS)* đề nghị: Trả lại cho ông Phạm Văn D 01 *(Một)* xe mô tô hai bánh nhãn hiệu SHMOTO, biển kiểm soát 92F7-6655.

- Về phần dân sự: Buộc bị cáo Võ Văn T1 phải bồi thường thiệt hại số tiền là 1.200.000 đồng cho ông Nguyễn Tấn T2.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Võ Văn T1 phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Đồng thời phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá

trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Võ Văn T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 12/4/2023, Võ Văn T1 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam xử phạt 12 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"* chưa hết thời hạn đương nhiên được xóa án tích, thế nhưng vào ngày 24/6/2024, tại thôn C, xã QT, huyện H, tỉnh Quảng Nam; Võ Văn T1 lại thực hiện hành vi trộm cắp 04 bình điện ắc quy được định giá 1.200.000 đồng của ông Nguyễn Tấn T2.

Từ những căn cứ trên cho thấy, hành vi của bị cáo Võ Văn T1 đã cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS. Do đó, Cáo trạng số 23/CT-VKSQS ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất vụ án, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tài sản hợp pháp của mọi công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác đều bị xử lý nghiêm minh trước pháp luật. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn đi trộm cắp tài sản. Điều này đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, trật tự xã hội tại địa phương, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải xử phạt bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần vi phạm pháp luật, cụ thể: Ngày 10/3/2007, bị Công an thị trấn K, huyện P, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính số tiền 200.000 đồng về hành vi *"Sử dụng trái phép chất ma túy"*; Ngày 16/12/2009, bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam xử phạt 05 năm tù về tội *"Cướp giật tài sản"* và tội *"Trộm cắp tài sản"*; Ngày 22/12/2015, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xử phạt 42 tháng tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*; Ngày 26/5/2020, bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi *"Sử dụng trái phép chất ma túy"*; Ngày 20/7/2020, bị Công an xã QP, huyện QS, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính số tiền 500.000 đồng về hành vi *"Sử dụng trái phép chất ma túy"*; Ngày 30/6/2022, bị Công an xã QC, huyện QS, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi *"Sử dụng trái phép chất ma túy"*.

Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, chưa bồi thường trách nhiệm dân sự, hơn thế nữa bị cáo có nhân thân xấu liên quan đến ma túy và chiếm đoạt tài sản của người khác đã bị xử phạt, giáo dục, cải tạo nhiều lần nhưng bị cáo không chịu tu dưỡng, sủa chữa trở thành người tốt mà vẫn tiếp tục phạm tội chứng tỏ bị cáo rất coi thường pháp luật. Do cần phải xử phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo mới và đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Do bị cáo đang bị tạm giam nên để đảm bảo cho việc thi hành án thì Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục tạm giam bị cáo là phù hợp với Điều 329 BLTTHS.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS, hành vi phạm tội của bị cáo Võ Văn T1 có thể bị áp dụng hình phạt tiền bổ sung nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về biện pháp tư pháp, vật chứng vụ án: Phạm Văn D mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 92F7-6655 của ông Nguyễn Văn N chưa làm thủ tục sang tên. Ông D cho Võ Văn T1 mượn xe nhưng không biết T1 sử dụng xe đi trộm cắp. Nên căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS: Trả lại cho ông Phạm Văn D 01 *(Một)* xe mô tô hai bánh nhãn hiệu SHMOTO, biển kiểm soát 92F7-6655 *(Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy ông Phạm Văn D đang giữ)*.

[6] Vấn đề có liên quan đến vụ án:

- Đối với hành vi của người phụ nữ đi xe đạp buôn phế liệu mua 04 bình ắc quy Võ Văn T1 trộm cắp được, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H sẽ xác minh, xử lý sau;

- Đối với hành vi của Phạm Văn D cho Võ Văn T1 mượn xe mô tô biển kiểm soát 92F7-6655 sử dụng nhưng không biết T1 sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi trộm cắp nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H không xử lý là phù hợp.

[7] Về phần dân sự: Căn cứ theo Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐGTS ngày 01/8/2024 xác định 04 bình ắc quy mà bị cáo Võ Văn T1 trộm cắp tại thời điểm định giá ngày 24/6/2024 có giá trị là 1.200.000 đồng. Ông

Nguyễn Tấn T2 yêu cầu bị cáo Võ Văn T1 phải bồi thường 1.200.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý với yêu cầu của bị hại ông Nguyễn Tấn T2 nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận và buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông T2 số tiền là 1.200.000 đồng.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Võ Văn T1 phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Võ Văn T1 phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Võ Văn T1 12 *(Mười hai)* tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 29/8/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc bị cáo Võ Văn T1 phải bồi thường cho bị hại ông Nguyễn Tấn T2 số tiền 1.200.000 đồng *(Một triệu hai trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về biện pháp tư pháp, vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS T2: Trả lại cho ông Phạm Văn D 01 *(Một)* xe mô tô hai bánh nhãn hiệu SHMOTO, biển kiểm soát 92F7-6655 *(Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy ông Phạm Văn D đang giữ)*.

(Vật chứng nêu trên được mô tả tại biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H ngày 08/11/2024).

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Võ Văn T1 phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 BLTTHS bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày T2 án *(ngày 05/12/2024)*.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Quảng Nam (PV06);
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Cơ quan điều tra Công an huyện H;
- Văn phòng Công an huyện H;
- Bị cáo, người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thọ